

Số: 17/TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày 29 tháng 4 năm 2020.

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 22/04 đến ngày 28/04/2020)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời lạnh, ít nắng, mưa rào và giông rải rác. Lượng mưa đo được tại Vinh Yên 179 mm (cao hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 22,5°C (thấp hơn CKNT), cao nhất 30°C, thấp nhất 17°C.

Âm độ trung bình 74 - 82,6% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 10 - 16 giờ (thấp hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Xuân 2020 đến nay ước đạt 38.337,6 ha:

- Lúa xuân:

+ Lúa Xuân sớm: 3.005,3 ha (chắc xanh - chín);

+ Lúa Xuân muộn 26.802,8 ha (đòng già - trổ - chắc xanh).

Trong đó diện tích lúa đã trổ: 12.518 ha.

- Ngô: 2.154,9 ha (chắc hạt);

- Đậu tương: 90,4 ha (quả non);

- Lạc: 1.593,2 ha (đâm tia - củ non);

- Khoai lang: 268,1 ha (PTTL - tạo củ)

- Rau các loại: 2.468,7 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.950,3 ha (các giai đoạn).

Trong tuần trời nắng ít, có mưa rào rải rác, cây trồng sinh trưởng, phát triển kém. Một số đối tượng sâu gây hại nhẹ, một số bệnh gia tăng gây hại mạnh.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bầy đên (con/đen/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,02 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 1 con (Bình Xuyên); Sâu đục thân cú mèo 0,1 con (xấp xỉ kỳ trước), nơi cao 2 con (Tam Dương); Rầy nâu 1,7 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 20 con (Bình Xuyên); Rầy lưng trắng 1,4 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 23 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,2 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,6 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 4 con (Bình Xuyên).



1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm

+ Bệnh đạo ôn gây hại cục bộ, tỷ lệ bông hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 3 - 5%, cục bộ > 10% (Sông Lô, Bình Xuyên).

+ Sâu đục thân cú mèo (nhộng, TT, T1,2) gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 2 - 4% (Vĩnh Tường, Yên Lạc,...).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (rầy cám, tuổi 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 100 - 200 con/m², cao 2.000 - 3.000 con/m², cục bộ 6.000 - 8.000 con/m² (Lập Thạch, Sông Lô, Bình Xuyên...).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ danh hại phổ biến 3 - 5%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Vĩnh Tường, Bình Xuyên).

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 20% (Bình Xuyên, Yên Lạc).

+ Chuột gây hại diện tích lúa ven đầm, gần đường đi, nơi khô nước, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 2 - 4%, cục bộ > 5% (Yên Lạc, Sông Lô,...).

- Trên lúa Xuân muộn

+ Chuột gây hại nhẹ - trung bình, nặng cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 3 - 5%, cao 8 - 10%, cục bộ > 20% (Yên Lạc, Tam Dương).

+ Sâu đục thân cú mèo gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, nơi cao 2 - 4% (Vĩnh Tường, Phúc Yên, Vĩnh Yên,...).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ danh hại phổ biến 4 - 6%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Tam Dương, Phúc Yên, Bình Xuyên,...).

+ Bệnh bạc lá gia tăng gây hại sau mưa bão, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 30% (Tam Đảo, Yên Lạc, Bình Xuyên...).

+ Bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông gây hại cục bộ, tỷ lệ lá, bông hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 5 - 10%, cục bộ > 30% (Sông Lô, Bình Xuyên).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 50 - 100 con/m², cao 300 - 500 con/m², cục bộ 1.000 con/m² (Tam Đảo).

Ngoài ra: Châu chấu, sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác.

2. Trên cây rau, màu

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang gây hại nhẹ, mật độ sâu xanh phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 2 - 3 con/m² (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

- Trên cây dưa chuột: Bệnh sương mai, phấn trắng gây hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 3 - 5%, cục bộ > 10% (Tam Dương).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai, nhện lông nhung gây hại rải rác, tỷ lệ cành lá hại phổ biến 2 - 3%, cao 10 - 13% (Sông Lô). Ngoài ra bọ xít, bệnh thán thư, nhện gây hại rải rác.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại cục bộ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 29/04 - 05/05

1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm: Rầy nâu tiếp tục hại cục bộ một số diện tích lúa giai đoạn chắc xanh - đổ đuôi cần phát hiện sớm, kịp thời phòng trừ bằng biện pháp sử dụng thuốc đặc hiệu đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, chuột, rầy, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn... hại rải rác. Chú ý bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn phát triển gây hại mạnh trong điều kiện mưa nhiều độ ẩm không khí cao kèm gió mạnh, cần theo dõi và có biện pháp phòng chống kịp thời.

2. Cây ngô: Chú ý theo dõi sâu keo mùa thu phát sinh gây hại để có biện pháp phòng chống kịp thời.

3. Cây rau

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phân trắng tiếp tục phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, bệnh sương mai gia tăng gây hại.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gia tăng gây hại cục bộ.

4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

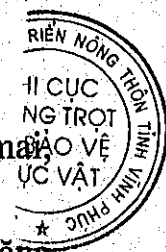
1. Đề nghị

- Những diện tích lúa làm đồng - trở cần duy trì mực nước 2 - 3 cm để đảm bảo sinh trưởng của cây lúa.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, theo dõi phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để chủ động có biện pháp phòng chống kịp thời (chú ý rầy, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, chuột,... hại lúa).

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) để chỉ đạo cơ sở phòng trừ kịp thời, an toàn, hiệu quả trong cao điểm sâu bệnh hại trong tháng 4, tháng 5.

- Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.



2. Biện pháp quản lý

- Đối với diện tích lúa bị bệnh đạo ôn, khi tỷ lệ bệnh từ 5% lá hại; 2,5% bông hại dùng: Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325SC, Fuji-One 40EC,... Những ruộng bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày. Giữ mực nước trên ruộng từ 3 - 5cm, ngừng bón các loại phân cho đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp.

- Đối với diện tích lúa rầy nâu, rầy lưng trắng hại; thời kỳ đòng khi mật độ trên 750 con/m² : Dùng thuốc Midan 10WP , Actara 25WG, Chess 50WG, Sutin 5EC...; thời kỳ chắc xanh khi mật độ trên 3.000 con/m²: Cần rẽ băng rộng từ 0,8 - 1 m, dùng thuốc Bassa 50EC, Nibas 50EC, Vibasa 50EC, Jetan 50EC... Nếu mật độ cao trên một vạn con/m² cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn cần phun ngay bằng các loại thuốc: Totan 200WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2SL, Starner 20WP... Những ruộng bệnh nặng trên 40% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh khô vằn, khi có 10% đánh hại dùng: Tiltsuper 300EC, Validacin 5L, Lervil 50SC, Anvil 5SC, Jिंगgang meisu 3SL, ...

- Khi phun thuốc cần thực hiện theo nguyên tắc “4 đúng” và theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng sâu bệnh hại trên đồng ruộng.

- Tích cực thực hiện các biện pháp thủ công bắt sâu non, vọt bướm, ngắt ổ trứng, sử dụng các loại bẫy bắt chuột; bẫy dính, bẫy màu vàng, bả chua ngọt để tiêu diệt trưởng thành một số loại sâu hại.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 22/04 - 28/04/2020), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

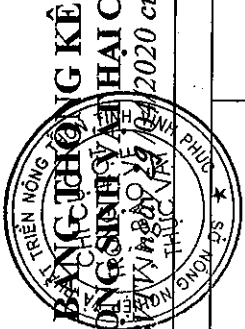
(03) *đh*

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bá Tuệ
Nguyễn Bá Tuệ

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 22/04 - 28/04/2020
(Kèm theo Thông báo số 17/TB-CCCTI & BVTN ngày 29/04/2020 của Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc)



Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại						Diện tích nhiễm (ha)						DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhệ	TB	Nặng	Tổng	Nhệ	TB	Nặng	Mtr						
Lúa xuân sớm	Chắc xanh - chín	Chuột	%DH	2,5	5		13		10	3				+13			Rải rác
		Đạo ôn	%BH	2,8	5	15	5,19		2,55	2		0,64		+3,19	1		Cục bộ
		Rầy	Con/m ²	940	1.666,7	3.000	80,7		50	25,5		5,2		-28,8	20		Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	14	35		200		150	50				+17	130		Rải rác
		Bệnh bạc lá	%LH	15,5	21,5	40	12,05		7,05	4		1		+12,05	12		Cục bộ
Lúa xuân muộn	Đông già - trở - chắc xanh	Chuột	%DH	3,8	9,3	18,8	207		159	42		6		+187			Rải rác
		Rầy	Con/m ²	750			15		15					-3	5		Cục bộ
		Khô vằn	%DH	10,7	24,7	41,4	1.980		1.400	455		125		+345	1630		Rộng
		Bệnh đạo ôn lá	%LH	7,8	15,5	30	6		5,3	0,6		0,1		+6	7,4		Cục bộ
		Đạo ôn cổ bông	%BH	3,8	5		0,6		0,5	0,1				-9,9			Cục bộ
Cây ăn quả	Ra lộc - ra hoa	Bệnh bạc lá	%LH	12,5	27	50	94,9		44,2	24,5		26,2		+84,4	69,5		Rải rác
		Sương mai	%LH	12,5			5		5					-	5		Cục bộ
		Nhện lưng nhung	%CH	12,5			5		5					-	5		Cục bộ
Dưa chuột			Con/cành	3		10		10					-	10		Rải rác	
			%LH	12		20		20					+20	20		Rải rác	
Tổng						2.654,44		1.883,6	606,7		164,14			2.076,9			

Ghi chú: GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dánh hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS. Đặng Thị Lương.